

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp;

Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam số 05-25/PP ngày 28 tháng 05 năm 2025 của cơ sở "Nhà máy sản xuất và gia công đế giày, dép, công suất: 96 triệu đôi/năm; Sản xuất và gia công phụ kiện giày, dép, công suất: 24 triệu đôi/năm; Sản xuất và gia công giày thể thao, công suất: 12 triệu đôi/năm; Sản xuất và gia công mặt giày, công suất: 3,6 triệu đôi/năm";

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại tờ trình số 1054/TTr-NNMT ngày 13 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam, có địa chỉ tại KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (thuộc lại nhà xưởng của Công ty TNHH Pou Sung Việt Nam), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp.

Điều 2. Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin;
- Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam;
- UBND xã Đồi 61;
- Công ty Cổ phần Thống Nhất;
- Lưu: VT, TH, P.NNMT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Mạnh Hùng



PHỤ LỤC
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 151-2/GPMT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Điều chỉnh nội dung mục 1.1 Phần B Phụ lục 1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 thành:

“Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh khuôn in (nguồn số 8) được đưa về 02 hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy công suất 30 m³/ngày tại xưởng BB13 và 25 m³/ngày tại xưởng BK01 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Pou Sung Việt Nam để xử lý trước khi đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo.

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh tô, cọ quét keo (nguồn số 9) được đưa về 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy công suất 30 m³/ngày tại xưởng BB13 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Pou Sung Việt Nam để xử lý trước khi đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo.”

1.2. Điều chỉnh nội dung mục 1.2.3 Phần B Phụ lục 1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 thành:

“- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.”

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

2.1. Bổ sung nguồn phát sinh khí thải tại mục 1 Phần A Phụ lục 2. Nguồn phát sinh khí thải của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 thành:

“1.1. Các nguồn phát sinh có hệ thống xử lý bụi, khí thải:

a. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB14:

- Nguồn số 01: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn số 1.
- Nguồn số 02: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn số 2.
- Nguồn số 03: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn số 3.
- Nguồn số 04: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn số 4.

b. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK07:

- Nguồn số 05: bụi thải từ quá trình mài nhám số 1 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 06: bụi thải từ quá trình mài nhám số 2 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 07: bụi thải từ quá trình mài nhám số 3 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 08: bụi thải từ quá trình mài nhám số 4 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 09: bụi thải từ quá trình mài nhám số 5 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 10: bụi thải từ quá trình mài nhám số 6 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 11: bụi thải từ quá trình mài nhám số 7 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 12: bụi thải từ quá trình mài nhám số 8 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

c. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK05:

- Nguồn số 13: bụi thải từ quá trình mài nhám số 9 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 14: bụi thải từ quá trình mài nhám số 10 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 15: bụi thải từ quá trình mài nhám số 11 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 16: bụi thải từ quá trình mài nhám số 12 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 17: bụi thải từ quá trình mài nhám số 13 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 18: bụi thải từ quá trình mài nhám số 14 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 19: bụi thải từ quá trình mài nhám số 15 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 20: bụi thải từ quá trình mài nhám số 16 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 21: bụi thải từ quá trình mài nhám số 17 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 22: bụi thải từ quá trình mài nhám số 18 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 23: bụi thải từ quá trình mài nhám số 19 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 24: bụi thải từ quá trình mài nhám số 20 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

d. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK01:

- Nguồn số 25: bụi thải từ quá trình mài nhám số 21 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 26: bụi thải từ quá trình mài nhám số 22 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 27: bụi thải từ quá trình mài nhám số 23 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 28: bụi thải từ quá trình mài nhám số 24 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 29: bụi thải từ quá trình mài nhám số 25 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 30: bụi thải từ quá trình mài nhám số 26 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 31: bụi thải từ quá trình mài nhám số 27 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 32: bụi thải từ quá trình mài nhám số 28 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 33: bụi thải từ quá trình mài nhám số 29 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 34: bụi thải từ quá trình mài nhám số 30 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 35: bụi thải từ quá trình mài nhám số 31 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 36: bụi thải từ quá trình mài nhám số 32 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 37: bụi thải từ quá trình mài nhám số 33 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 38: bụi thải từ quá trình mài nhám số 34 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 39: bụi thải từ quá trình mài nhám số 35 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- e. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK03:*
 - Nguồn số 40: bụi thải từ quá trình mài nhám số 36 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 41: bụi thải từ quá trình mài nhám số 37 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 42: bụi thải từ quá trình mài nhám số 38 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 43: bụi thải từ quá trình mài nhám số 39 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 44: bụi thải từ quá trình mài nhám số 40 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 45: bụi thải từ quá trình mài nhám số 41 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 46: bụi thải từ quá trình mài nhám số 42 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 47: bụi thải từ quá trình mài nhám số 43 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 48: bụi thải từ quá trình mài nhám số 44 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
 - Nguồn số 49: bụi thải từ quá trình mài nhám số 45 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

- Nguồn số 50: bụi thải từ quá trình mài nhám số 46 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 51: bụi thải từ quá trình mài nhám số 47 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 52: bụi thải từ quá trình mài nhám số 48 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 53: bụi thải từ quá trình mài nhám số 49 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 54: bụi thải từ quá trình mài nhám số 50 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 55: bụi thải từ quá trình mài nhám số 51 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 56: bụi thải từ quá trình mài nhám số 52 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 57: bụi thải từ quá trình mài nhám số 53 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 58: bụi thải từ quá trình mài nhám số 54 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 59: bụi thải từ quá trình mài nhám số 55 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 60: bụi thải từ quá trình mài nhám số 56 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 61: bụi thải từ quá trình mài nhám số 57 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 62: bụi thải từ quá trình mài nhám số 58 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 63: bụi thải từ quá trình mài nhám số 59 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 64: bụi thải từ quá trình mài nhám số 60 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 65: bụi thải từ quá trình mài nhám số 61 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 66: bụi thải từ quá trình mài nhám số 62 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 67: bụi thải từ quá trình mài nhám số 63 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 68: bụi thải từ quá trình mài nhám số 64 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).
- Nguồn số 69: bụi thải từ quá trình mài nhám số 65 (thoát ra môi trường lao động, không có ống thải).

f. Nguồn phát sinh khí thải tại khu nhà xưởng C:

- Nguồn số 70: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn số 1.
- Nguồn số 71: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn số 2.
- Nguồn số 72: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn số 3.

- Nguồn số 73: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn số 4.
- Nguồn số 74: khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 6 tấn.
- Nguồn số 75: khí thải từ quá trình pha keo và sơn số 1.
- Nguồn số 76: khí thải từ quá trình sơn số 2.

1.2. Các nguồn phát sinh không có hệ thống xử lý bụi, khí thải:

a. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB14:

- Nguồn số 77: ống thoát từ lò hơi 12 tấn/giờ đốt dầu DO số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 78: ống thoát từ lò hơi 12 tấn/giờ đốt dầu DO số 2 (không qua xử lý).

b. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK05:

- Nguồn số 79: ống thoát từ quá trình dán hợp số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 80: ống thoát từ quá trình dán hợp số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 81: ống thoát từ quá trình quét keo, vệ sinh (không qua xử lý).
- Nguồn số 82: ống thoát từ quá trình rửa đế (không qua xử lý).

c. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK01:

- Nguồn số 83: Ống thoát của chuyền máy cắt tự động (ATOM) số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 84: Ống thoát của chuyền máy cắt tự động (ATOM) số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 85: Ống thoát của chuyền máy cắt lazer (không qua xử lý).
- Nguồn số 86: Ống thoát của chuyền dán mút (không qua xử lý).

d. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK06:

- Nguồn số 87: Ống thoát của máy cắt lazer (không qua xử lý).
- Nguồn số 88: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 89: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 90: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 3 (không qua xử lý).
- Nguồn số 91: Ống thoát của dây chuyền chiếu xạ UV - pha keo số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 92: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 4 (không qua xử lý).
- Nguồn số 93: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 5 (không qua xử lý).
- Nguồn số 94: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 6 (không qua xử lý).
- Nguồn số 95: Ống thoát của dây chuyền chiếu xạ UV - pha keo số 2 (không qua xử lý).

e. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK07:

- Nguồn số 96: Ống thoát của máy cắt lazer (không qua xử lý).
- Nguồn số 97: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 98: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 99: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 3 (không qua xử lý).
- Nguồn số 100: Ống thoát của dây chuyền chiếu xạ UV - pha keo số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 101: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 4 (không qua xử lý).
- Nguồn số 102: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 5 (không qua xử lý).

- Nguồn số 103: Ống thoát của dây chuyền thành hình số 6 (không qua xử lý).
- Nguồn số 104: Ống thoát của dây chuyền chiếu xạ UV - pha keo số 2 (không qua xử lý).

f. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK03:

- Nguồn số 105: ống thoát từ quá trình dán keo số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 106: ống thoát từ quá trình dán keo số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 107: ống thoát từ quá trình dán keo số 3 (không qua xử lý).
- Nguồn số 108: ống thoát từ quá trình dán keo số 4 (không qua xử lý).
- Nguồn số 109: ống thoát từ quá trình dán keo số 5 (không qua xử lý).
- Nguồn số 110: ống thoát từ quá trình dán keo số 6 (không qua xử lý).
- Nguồn số 111: ống thoát từ quá trình sấy sau dán keo số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 112: ống thoát từ quá trình sấy sau dán keo số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 113: ống thoát từ quá trình rửa đế số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 114: ống thoát từ quá trình rửa đế số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 115: ống thoát từ quá trình dán đế số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 116: ống thoát từ quá trình dán đế số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 117: ống thoát từ quá trình dán đế số 3 (không qua xử lý).

g. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB13:

- Nguồn số 118: ống thoát từ quá trình vệ sinh khuôn số 1 (không qua xử lý).
- Nguồn số 119: ống thoát từ quá trình vệ sinh khuôn số 2 (không qua xử lý).
- Nguồn số 120: ống thoát từ quá trình vệ sinh khuôn số 3 (không qua xử lý).
- Nguồn số 121: ống thoát từ quá trình vệ sinh khuôn số 4 (không qua xử lý).

h. Nguồn phát sinh khí thải tại khu nhà xưởng C:

- Nguồn số 122: ống thoát từ lò hơi 8 tấn/giờ đốt dầu DO (không qua xử lý)."

2.1. Bổ sung nguồn phát sinh khí thải tại mục 1.1 Phần B Phụ lục 2. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 thành:

"1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

a. Các nguồn phát sinh có hệ thống xử lý bụi, khí thải:

a1. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB14:

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 12 tấn (nguồn số 01, 02, 03, 04) được thu gom về 04 hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 36.000 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát qua 04 ống thải Ø 1.000 mm, cao 18m.

a2. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK07:

- Bụi phát sinh từ quá trình mài nhám (nguồn số 05 đến nguồn số 12) được thu gom bằng đường ống kích thước Ø60mm bằng nhựa về 08 hệ thống xử lý bụi thải, công suất thiết kế 500 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát ra môi trường lao động, không có ống thải.

a3. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK05:

- Bụi phát sinh từ quá trình mài nhám (nguồn số 13 đến nguồn số 24) được thu

gom bằng đường ống kích thước Ø60mm bằng nhựa vè 12 hệ thống xử lý bụi thải, công suất thiết kế 500 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát ra môi trường lao động, không có ống thải.

a4. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK01:

- Bụi phát sinh từ quá trình mài nhám (nguồn số 25 đến nguồn số 39) được thu gom bằng đường ống kích thước Ø60mm bằng nhựa vè 12 hệ thống xử lý bụi thải, công suất thiết kế 500 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát ra môi trường lao động, không có ống thải.

a5. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK03:

- Bụi phát sinh từ quá trình mài nhám (nguồn số 40 đến nguồn số 69) được thu gom bằng đường ống kích thước Ø60mm bằng nhựa vè 30 hệ thống xử lý bụi thải, công suất thiết kế 4.000 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát ra môi trường lao động, không có ống thải.

a6. Nguồn phát sinh khí thải tại khu nhà xưởng C:

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 8 tấn (nguồn số 70, 71, 72, 73) được thu gom về 04 hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 36.000 m³/giờ/hệ thống, sau đó thoát qua 04 ống thải Ø 750 mm, cao 15m.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 6 tấn (nguồn số 74) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 24.000 m³/giờ, sau đó thoát qua ống thải Ø 650 mm, cao 15m.

- Khí thải phát sinh từ quá trình pha keo và sơn (nguồn số 75) về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 28.000 m³/giờ, sau đó thoát qua ống thải (kích thước 500mm × 1.200mm), cao 2m.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn (nguồn số 76) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 28.000 m³/giờ, sau đó thoát qua ống thải (kích thước 500mm × 800mm), cao 2m.

b. Các nguồn phát sinh không có hệ thống xử lý bụi, khí thải:

b1. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB14:

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 12 tấn/giờ đốt dầu DO (nguồn số 77, 78) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

b2. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK05:

- Khí thải phát sinh từ quá trình dán hợp (nguồn số 79, 80) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình quét keo, vệ sinh (nguồn số 81) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình rửa đế (nguồn số 82) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.

b3. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK01:

- Khí thải phát sinh từ quá trình cắt tự động (ATOM) (nguồn số 83, 84) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình cắt lazer (nguồn số 85) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình dán mút (nguồn số 86) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.



b4. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK06:

- Khí thải phát sinh từ quá trình cắt lazer (nguồn số 87) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình thành hình (nguồn số 88, 89, 90, 92, 93, 94) được thu gom và thoát qua 06 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình chiếu xạ UV - pha keo (nguồn số 91, 95) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

b5. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK07:

- Khí thải phát sinh từ quá trình cắt lazer (nguồn số 96) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình thành hình (nguồn số 97, 98, 99, 101, 102, 103) được thu gom và thoát qua 06 ống thoát khí.

- Nguồn số 70: Khí thải phát sinh từ quá trình chiếu xạ UV - pha keo (nguồn số 100, 104) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí Ø 300 mm, cao 3m.

b6. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BK03:

- Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo (nguồn 105, 106, 107, 108, 109, 110) được thu gom và thoát qua 06 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau dán keo (nguồn 111, 112) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình rửa đế (nguồn 113, 114) được thu gom và thoát qua 02 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ quá trình dán đế (nguồn 115, 116, 117) được thu gom và thoát qua 03 ống thoát khí.

b7. Nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng BB13:

- Khí thải phát sinh từ quá trình vệ sinh khuôn (nguồn 118, 119, 120, 121) được thu gom và thoát qua 04 ống thoát khí.

b8. Nguồn phát sinh khí thải tại khu nhà xưởng C:

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 8 tấn/giờ đốt dầu DO (nguồn 122) được thu gom và thoát qua 01 ống thoát khí.”

2.2. Bổ sung nguồn phát sinh khí thải tại mục 1.2 Phần B Phụ lục 2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải của Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 thành:

“1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải khu nhà xưởng B



a. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải nguồn số 01, 02, 03, 04, tương ứng với dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, (04 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ tận dụng nhiệt → Cyclon bậc 1 → Cyclon bậc 2 → Lọc túi vải → Quạt hút → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 36.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

b. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 05 đến nguồn số 12, (08 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon → Môi trường lao động.

- Công suất thiết kế: 500 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

c. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 13 đến nguồn số 39, (27 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Túi vải lọc → Môi trường lao động.

- Công suất thiết kế: 500 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

d. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 40 đến nguồn số 69, (30 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Túi vải lọc → Môi trường lao động.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải khu nhà xưởng C

a. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải nguồn số 70, 71, 72, 73, tương ứng với dòng khí thải số 05, 06, 07, 08, (04 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon chùm → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 36.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

b. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải nguồn số 74, tương ứng với dòng khí thải số 09, công nghệ xử lý.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon → Cyclon chùm → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

c. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải nguồn số 75, 76, tương ứng với dòng khí thải số 10, 11, (02 hệ thống xử lý) cùng công nghệ xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Màn nước → Vách ngăn và tấm chắn nước → Quạt hút → Bông lọc → Than hoạt tính → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 28.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất./."